TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22/7/2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị D
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ksor H'Q
2. Ông Hoàng Quốc V

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị G – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay S – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2025/TLST – HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ksor T, sinh năm 1985
Địa chỉ: Buôn K, xã I, tỉnh Gia Lai,
Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nay H, sinh năm 1984
Địa chỉ: Buôn T, xã I, tỉnh Gia Lai,
Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2025, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Ksor T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Ông Ksor T và bà N H'Nhiu tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và về chung sống vợ chồng từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã I vào ngày 06/6/2006. Quá trình chung sống thì đến năm

2017 phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn gay gắt không thể hàn gắn được nên đến năm 2018 thì bỏ nhau theo phong tục người Jrai. Từ đó cho đến nay thì mỗi người đều có cuộc sống riêng và không còn tình cảm, quan tâm đến nhau nữa. Ông T yêu cầu được ly hôn với bà N H'Nhiu trước pháp luật.

- *Về con chung*: Ông Ksor T và bà Nay H có 03 con chung là Nay H'Đuy, sinh ngày 03/5/2003; Nay Quang, sinh ngày 30/6/2007 và Nay H'Dưch, sinh ngày 28/02/2013.

Đối với con chung chưa thành niên là Nay H'Dưch, ông T đề nghị giao cho bà N H'Nhiu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Đối với con chung Nay H'Đuy và Nay Q đã thành niên và tự lập được nên ông Siu T1 không có yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà Nay H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà N H'Nhiu từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng không có mặt. Tuy nhiên, làm việc tại nhà bà H thì được biết quan điểm của bà như sau: Bà Nay H'Nhiu công nhận vợ chồng hiện nay đã không còn sống chung với nhau nữa, đã bỏ nhau theo phong tục người Jrai từ năm 2018. Tuy nhiên bà yêu cầu ông Ksor T phải xem xét các khoản nợ từ năm 2018 đến nay thì bà mới đồng ý ly hôn. Các con chung hiện nay đang ở với bà H. Ngoài ra thì bà H không có ý kiến hay yêu cầu phản tố nộp cho Tòa án.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS và các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho ông Ksor T được ly hôn với bà N H'Nhiu trước pháp luật.

- *Về con:* Ông Ksor T và bà Nay H có 03 con chung là Nay H'Đuy, sinh ngày 03/5/2003; Nay Quang, sinh ngày 30/6/2007 và Nay H'Dưch, sinh ngày 28/02/2013.

Đối với con chung chưa thành niên là Nay H'Dưch, ông T đề nghị giao cho bà N H'Nhiu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Đối với con chung Nay H'Đuy và Nay Q đã trưởng thành và tự lập được nên ông Siu T1 không có yêu cầu. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với nguyện vọng của con chưa

thành niên nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng:* Không cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Không yêu cầu.

-*Về án phí* : Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Ksor T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại xã I, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N H'Nhiu, như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà N H'Nhiu không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Ở giai đoạn xét xử vụ án, Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Nay H vẫn vắng mặt tại phiên tòa, ông Ksor Thanh vắng M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Bà Nay H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Ông Ksor T và bà N H'Nhiu tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và về chung sống vợ chồng từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã I vào ngày 06/6/2006. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không cùng chung chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Ngày 19/5/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tại buôn Tơ Nung, xã I, tỉnh Gia Lai thì được biết cuộc sống chung của ông Ksor T và bà N H'Nhiu xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp, hiện tại vợ chồng đã bỏ nhau theo phong tục người Jrai, mỗi người đều có đã cuộc sống riêng của mình.

Ngày 19/5/2025, Tòa án lập biên bản lấy ý kiến của bà Nay H: Bà Nay H'Nhiu công nhận vợ chồng hiện nay đã không còn sống chung với nhau nữa, đã bỏ nhau theo

phong tục người Jrai từ năm 2018. Tuy nhiên bà yêu cầu ông Ksor T phải xem xét các khoản nợ từ năm 2018 đến nay thì bà mới đồng ý ly hôn. Các con chung hiện nay đang ở với bà H. Ngoài ra thì bà H không có ý kiến hay yêu cầu phản tố nộp cho Tòa án.

Từ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được cho thấy tình trạng hôn nhân của ông Ksor T và bà Nay H đã mâu thuẫn mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của ông Ksor T là chính đáng và có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ksor T, xử cho ông Ksor T được ly hôn với bà N H'Nhiu là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Ksor T và bà Nay H có 03 con chung là Nay H'Đuy, sinh ngày 03/5/2003; Nay Quang, sinh ngày 30/6/2007 và Nay H'Dưch, sinh ngày 28/02/2013. Đối với con chung chưa thành niên là Nay H'Dưch, ông T đề nghị giao cho bà N H'Nhiu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Đối với con chung Nay H'Đuy và Nay Q đã trưởng thành và tự lập được nên ông Siu T1 không có yêu cầu. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Không cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có yêu cầu.

[7] Về án phí: Ông Ksor T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 40; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 51, 53, 56, 57, 58, 69, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Ksor T được ly hôn với bà Nay H.

- *Về con:* Giao con chung chưa thành niên là Nay H'Dưch, sinh ngày 28/02/2013 cho bà N H'Nhiu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn

tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Đối với con chung Nay H'Đuy, sinh ngày 03/5/2003 và Nay Q, sinh ngày 30/6/2007 đã trưởng thành và có gia riêng nên đương sự không có yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng:* Ông Ksor T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con

Sau khi ly hôn các bên được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

- *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Về án phí:

Ông Ksor T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004499 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (cũ). Ông Ksor T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Phòng KTNV TAND T.Gia Lai;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS T.Gia Lai;
- UBND xã I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị D